

Bản án số: 71/2025/DS-ST
Ngày 22-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Thừa;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hải T, sinh năm 1976; thường trú: Số E khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1979; thường trú: Số nhà A (số cũ E), khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 11/02/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hải T trình bày:* Do có quan hệ quen biết nên ngày 04/12/2022, ông T có cho ông Nguyễn Tấn T1 mượn số tiền 60.000.000 đồng, việc mượn tiền này có lập thành văn bản, chính ông T1 là người ký tên, lăn tay xác nhận số tiền đã mượn, có sự chứng kiến của bà Phan Thị Xuân B (vợ ông T1), ông T đã giao

đủ số tiền 60.000.000 đồng cho ông T1. Sau đó ông T1 nhiều lần liên hệ mượn tiền ông T, cụ thể như sau: Ngày 05/12/2022, ông T cho anh T1 mượn 65.000.000 đồng và 60.000.000 đồng, ngày 15/12/2022 ông T cho ông T1 mượn tiếp số tiền 27.000.000 đồng. Tổng số tiền ông T1 mượn của ông T là 212.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả tiền là trong vòng 01 năm (tức là đến ngày 04/12/2023, ông T1 phải trả tiền mượn cho ông T). Tuy nhiên, từ đó đến nay ông T1 chỉ trả cho ông T được số tiền 35.100.000 đồng, số tiền còn lại 176.900.000 đồng ông T1 không chịu trả cho ông T. Vì vậy, ông Nguyễn Hải T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn T1 có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn ông T số tiền đã mượn là 176.900.000 đồng, nguyên đơn ông T không yêu cầu bị đơn T1 trả lãi. Hiện nay, bà Phan Thị Xuân B ở đâu làm gì, ông T không biết nên không cung cấp được địa chỉ của bà B. Số tiền 212.000.000 đồng mà ông T cho ông T1 mượn là tiền riêng của cá nhân ông T (ông T là người độc thân).

- Bị đơn ông Nguyễn Tấn T1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ để viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/4/2025, tham gia phiên tòa vào các ngày 16/5/2025 và ngày 22/5/2025 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố xã Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại số nhà A (số cũ E), khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 16/5/2025 và ngày 22/5/2025 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét giấy mượn tiền ngày 04/12/2022 giữa ông Nguyễn Hải T và ông Nguyễn Tấn T1 là thể hiện ý chí tự nguyện của các đương sự. Theo thỏa thuận của giấy mượn tiền, ông T1 có mượn của ông T số tiền 60.000.000 đồng, sau đó đến ngày 05/12/2022, ông T cho ông T1 mượn 65.000.000 đồng và 60.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2022 ông T tiếp tục cho cho ông T1 mượn số tiền 27.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông T1 mượn của ông T là 212.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả tiền là trong vòng 01 năm (tức là đến ngày 04/12/2023, ông T1 phải trả cho ông T số tiền đã mượn), tuy nhiên đến thời hạn trả tiền thì ông T1 chỉ trả được cho ông T số tiền 35.100.000 đồng, số tiền còn lại 176.900.000 đồng, ông T1 không trả cho ông T như đã cam kết. Vì vậy, Nguyễn Tấn T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã được thỏa thuận trong giấy mượn tiền nên nguyên đơn ông Nguyễn Hải T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn T1 trả lại số tiền đã mượn 176.900.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, là phù hợp với quy định tại các Điều 463 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với tổng số tiền 4.600.000 đồng, nguyên đơn ông Nguyễn Hải T phải chịu được khấu vào số tiền tạm ứng đã nộp, theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng Dân sự

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn T1 phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 429, 463, 465, 466 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hải T đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc ông Nguyễn Tấn T1 trả lại cho ông Nguyễn Hải T số tiền đã mượn 176.900.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn T1 phải chịu 8.845.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Hải T 4.422.500 đồng, theo biên lai thu tiền số 0007833 ngày 24/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn ông Nguyễn Hải T phải chịu 4.600.000 đồng.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA